TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nH dân:

1. Ông Châu Văn Bảy
2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nH dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nH và gia đình thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thùy V**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Cao Văn P**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai chị Phan Thị Thùy V trình bày:

Chị V và anh P tự nguyên tiến tới hôn nH năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Đ, huyện N, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/2017. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh B. Vợ chồng chung sống không hạnh P, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly tH từ tháng 10/2022 đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt được nên chị V xin ly hôn với anh P. Về con chung: Có hai con chung là Cao Thị Ngọc H,

sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019, hiện hai con đang sống cùng anh P. Chị V đồng ý để anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, chị V không cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2023 anh Cao Văn P trình bày:

Anh P thống nhất với lời trình bày của chị V về điều kiện tiến tới hôn nH, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nH phát sinh mâu thuẫn là thì khoảng đầu năm 2023 vợ chồng xảy cự cãi, chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh P đồng ý ly hôn với chị V. Về con chung: Anh P đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Cao Thị Ngọc H, sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019 sau khi ly hôn, anh P không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thùy V, cụ thể: Chị Phan Thị Thùy V được ly hôn với anh Cao Văn P. Về con chung: Anh P được quyền nuôi hai con chung là Cao Thị Ngọc H, sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Thùy V đối với anh Cao Văn P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Cao Văn P có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nH dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Phan Thị Thùy V và anh Cao Văn P có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh P theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nH: Chị Phan Thị Thùy V và anh Cao Văn P tự nguyện tiến tới hôn nH và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Đ, huyện N, tỉnh B nên được xem là hôn nH hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị V cho rằng hôn nH giữa chị và anh P không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Theo chị V trình bày thì nguyên nH phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Tại biên bản lấy lời khai thì anh P trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị V. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nH giữa chị V và anh P đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nH không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị V và anh P có hai con chung là Cao Thị Ngọc H, sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019, hiện đang sống cùng anh P. Chị V và anh P thống nhất anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn. Anh P cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, các con cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của anh P. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Cao Thị Ngọc H và Cao Tấn K cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao con chung là Cao Thị Ngọc H và Cao Tấn K cho anh P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh P cùng trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị V là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thùy V, cụ thể:

1. Về hôn nH: Chị Phan Thị Thùy V được ly hôn với anh Cao Văn P.

2. Về con chung: Có hai con chung là Cao Thị Ngọc H, sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019.

Giao hai con chung là Cao Thị Ngọc H, sinh ngày 31/5/2017 và Cao Tấn K, sinh ngày 03/11/2019 cho anh Cao Văn P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Cao Văn P không yêu cầu chị Phan Thị Thùy V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Phan Thị Thùy V, anh Cao Văn P hoặc cá nH, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nH và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Phan Thị Thùy V, anh Cao Văn P có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Thùy V và anh Cao Văn P thống nhất không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Thùy V và anh Cao Văn P thống nhất không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Phan Thị Thùy V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001187 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

CÁC HỘI THẨM NH DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự [2b] ;
- TAND tỉnh Bến Tre [1b] ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- UBND xã Ngãi Đăng [1b] ;
- Lưu HS, VP [2b] TC:8b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NH DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**